

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 09-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Xuân.

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/HSST-QĐ ngày 21/5/2020, số 10/2020/HSST-QĐ ngày 18/6/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1980 tại Vị Thanh-tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: số 105 đường N, khu vực 1, phường 4, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957 (chết) và bà Trần Thị N1, sinh năm 1957 (chết); Vợ: Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1986; Con: có 02 người con, sinh năm 2013 và 2015. Tiền án: không; Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Năm 2003 bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 76/HSST ngày 14/8/2003 Tòa án nhân dân quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (đã xóa án tích).

- Năm 2020 bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (Đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 5-Bộ Công an).

Bị cáo bị truy nã, bị bắt tạm giữ trong vụ án khác từ ngày 13/9/2019. Đang chấp hành hình phạt tại Trại giam Kênh 5-Bộ Công an.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1. Ông Võ Hoàng V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 10, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Huỳnh Thanh P1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Ông Ngô Quang M, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Nguyễn Minh H2, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Huỳnh Thị L1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Trần Văn N2, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

s

7. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

8. Bà Đặng Thị H3, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

9. Ông Trần Thanh N3, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp 3, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N3:

Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10. Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

11. Ông Trương Minh L2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

12. Ông Trần Văn N4, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

13. Ông Nguyễn Huy P2, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

(Các bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thanh C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/01/2013, Nguyễn Tấn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang khởi tố về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và ra lệnh bắt tạm giam nhưng T bỏ trốn nên ngày 20/5/2013 bị truy nã.

Trong quá trình bỏ trốn, vào đầu năm 2018, T cùng vợ thuê trọ tại nhà trọ P tại địa bàn Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Trong quá trình sinh sống tại đây, T gặp và quen với ông Lê Thanh C. Do biết tâm lý một số người muốn có giấy phép lái xe nhanh nhưng không muốn học và sát hạch theo quy định nên T nghĩ cách để lừa người khác nhằm lấy tiền tiêu xài. T nói với ông C: T là thầy giáo dạy lái xe tại Trường đào tạo lái xe Q nên T có khả năng giúp người khác làm giấy phép lái xe bao đậu, bao kiểm tra với mục đích để ông C tin tưởng, tìm người có nhu cầu giới thiệu cho T. C hỏi T giá cả ra sao thì T trả lời giấy phép lái xe hạng C giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), hạng B giá 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), hạng A1 giá 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), T sẽ trả tiền hoa hồng cho ông C 1.000.000 đồng đối với mỗi giấy phép lái xe hạng C, 500.000 đồng đối với mỗi giấy phép lái xe hạng B và 250.000 đồng đối với mỗi giấy phép lái xe hạng A1.

T nói với C thủ tục như sau: Đối với giấy phép lái xe hạng C và B cần 02 bản photo Chứng minh nhân dân, 08 ảnh 03x04 cm; giấy phép lái xe hạng A1 cần 01 chứng minh nhân dân photo, 04 ảnh 03x04 cm. Sau đó, ông C đã đăng tải lên mạng xã hội Facebook với nội dung nhận làm giấy phép lái xe các loại và giới thiệu với bạn bè, người quen có nhu cầu.

Với cách thức trên, trong khoảng thời gian từ ngày 23/5/2019 đến ngày 08/7/2019, qua sự giới thiệu của ông C, T khai đã nhận làm giấy phép lái xe cho một số người, cụ thể như sau:

-Vụ thứ 1: Ông Võ Hoàng V thấy ông C đăng lên mạng xã hội nội dung nhận làm giấy phép lái xe các loại nên điện thoại cho ông C hỏi về việc thi giấy phép lái xe hạng B2, V đang cần gấp. Ngày 22/5/2019, ông C đến phòng trọ của T nói có người bạn tên V muốn làm giấy phép lái xe hạng B2. Ông C gọi điện thoại cho ông V và đưa điện thoại cho T nói chuyện. Ông V hỏi T thủ tục gồm những gì, T hẹn ông V đến cửa hàng của ông C tại Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An để trao đổi và dặn khi đi nhớ mang theo 08 ảnh 03x04 cm và 02 bản photo chứng minh nhân dân. Khoảng 10 giờ ngày 23/5/2019, ông V đến cửa hàng của ông C để gặp T. Tại đây, ông V hỏi T giá làm giấy phép lái xe hạng B2 bao nhiêu, T nói giá là 8.000.000 đồng, ông V đồng ý đưa cho T số tiền 8.000.000 đồng, ảnh thẻ và chứng minh nhân dân photo. Đến ngày 25/5/2019, T đi công việc tại Thành phố Hồ Chí Minh thì điện thoại cho ông V hẹn gặp tại một quán Cafe và đưa cho ông V một giấy khám sức khỏe, một đơn xin học lái xe; ông V ghi thông tin, ký tên và đưa lại cho T. Tuy nhiên, khoảng 02 tuần sau,

do nghi ngờ T lừa đảo nên ông V đến gặp T và đòi lại tiền đã đưa cho T, T đã trả lại cho ông V 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, khi trao đổi với ông V thì T biết được ông Lê Tuấn Anh H cũng có nhu cầu làm giấy phép lái xe nên V gọi điện thoại với ông H. T hẹn gặp ông H để làm hồ sơ, H chỉ ký tên vào đơn xin học lái xe, chưa ghi thông tin. Tuy nhiên, sau đó ông H điện thoại cho T nói không thi nữa, T chưa nhận được tiền làm giấy phép lái xe của ông H.

-Vụ thứ 2: Ông Huỳnh Thanh P1 có nhờ ông C làm 02 giấy phép lái xe hạng B2 cho P1 và bạn của ông P1 tên là Nguyễn Huy P2. Vào ngày 24/5/2019, ông C điện thoại rủ T đến gặp P1 để nhận và làm hồ sơ 02 giấy phép lái xe hạng B2. T đưa hồ sơ cho ông P1 và bạn của ông P1 viết thông tin. Đến ngày 26/5/2019, T đến cửa hàng của ông C để lấy tiền làm giấy phép lái xe của P1. Ông C điện thoại cho ông P1 và đưa điện thoại cho T nói chuyện, ông P1 nói với T kêu ông C ứng tiền giúp ông P1. Ông C lấy tiền đưa cho T số tiền 9.000.000 đồng và T ghi thông tin có nhận của ông P1 số tiền 9.000.000 đồng, ký tên xác nhận vào một cuốn sổ do ông C cất giữ. Đến ngày hôm sau, vợ của ông P1 đến cửa hàng của ông C để trả số tiền 9.000.000 đồng mà ông C đã ứng trước để đưa cho T.

Khoảng 10 ngày sau, ông P1 điện thoại cho T nhờ làm thêm 04 giấy phép lái xe hạng A1, T nói giá là 4.000.000 đồng. Ông P1 đến gặp ông C để lấy hồ sơ do T đưa mẫu cho C trước đó. Sau đó, ông P1 đưa các mẫu cho 04 người làm thuê của P1 ký tên và ghi thông tin gồm: Lê Hữu N3, sinh năm: 2000 và Lê Đức T1, sinh năm: 1993 cùng địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nguyễn Công T2, sinh năm: 1993, địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1983, địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Ông P1 đã nhận của mỗi người 1.000.000 đồng, tổng cộng là 4.000.000 đồng cùng với ảnh thẻ 3x4cm, chứng minh nhân dân photo và hồ sơ đưa cho T tại quán N thuộc Khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi biết T lừa đảo, ông P1 đã trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho ông Lê Hữu N3, ông Lê Đức T1 ông Nguyễn Công T2 và ông Nguyễn Văn T3. Tổng số tiền T đã chiếm đoạt của Huỳnh Thanh P1 là 13.000.000 đồng.

-Vụ thứ 3: Vào ngày 28/5/2019, ông Ngô Quang M cùng ông Trần Thanh N3 đến cửa hàng của ông C để giao hàng, thấy nội dung ông C đăng lên mạng xã hội nên ông M hỏi ông C làm giấy phép lái xe như thế nào. Ông C điện thoại cho T đến cửa hàng của ông C và tổ chức nhận. Trong lúc nhận, ông C giới thiệu với ông M và ông N3 rằng T là người nhận làm giấy phép lái xe. Hôm sau, khoảng 08 giờ ngày 29/5/2019, T tiếp tục đến cửa hàng của ông C để gặp ông M. Ông M hỏi T làm giấy phép lái xe hạng B2 như thế nào, giá làm nhanh là bao nhiêu tiền. T nói thủ tục gồm: 02 bản photo chứng minh nhân dân, 08 ảnh 3x4cm, giá làm nhanh là 9.000.000 đồng. Ông M đồng ý, T kêu ông M đóng

tiền để làm hồ sơ, do không đủ tiền nên ông M nhờ ông C ứng trước giúp ông M số tiền 5.000.000 đồng để đưa cho T. T đưa hồ sơ cho ông M để ghi thông tin và ký tên.

Khoảng một tuần sau, T điện thoại kêu ông M sắp xếp thời gian đi học thực hành, T nói với ông M chọn địa điểm thuận tiện để học nên ông M chọn Trung tâm đào tạo và sát hạch giao thông thủy bộ tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Khoảng 04 ngày sau, T hẹn gặp ông M tại địa điểm trên, T có thuê ông Nguyễn Minh Đ là giáo viên dạy lái xe của trung tâm để dạy ngoài giờ cho ông M, dạy 01 giờ 30 phút với giá 500.000 đồng do ông M tự trả tiền. Khoảng 02 ngày sau, T gọi điện thoại cho ông M kêu ông M đóng thêm 4.000.000 đồng để hoàn tất hồ sơ thi, ông M cũng nhờ ông C ứng trước và kêu T đến gặp ông C để nhận tiền. T đến gặp ông C để lấy tiền, nhưng ông C không đồng ý do T chưa làm xong giấy phép lái xe cho ông M. Ông C nói với T nếu có thiếu tiền thì ông C cho mượn chứ không ứng trước tiền cho ông M. T đồng ý mượn nên ông C đã đưa cho T 4.000.000 đồng và T đã ghi vào sổ, ký tên xác nhận. Số tiền T chiếm đoạt của Ngô Quang M là 5.000.000 đồng.

-Vụ thứ 4: Ông Nguyễn Minh H2 thấy ông C đăng lên mạng xã hội nhận làm giấy phép lái xe các loại nên nhờ ông C làm giúp một giấy phép lái xe hạng B2. Vào ngày 24/5/2019, ông C điện thoại cho T nói có một người bạn tên H2 muốn làm giấy phép lái xe hạng B2 và đưa cho T số điện thoại của ông H2. T điện thoại cho ông H2, ông H2 hỏi thủ tục gồm những gì, T nói thủ tục gồm: 01 bản photo chứng minh nhân dân, 02 ảnh 3x4cm, T kêu ông H2 gửi chứng minh nhân dân photo và ảnh thẻ tại phòng bảo vệ chung cư B, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh để T đến lấy. T nói ông H2 chuyển cho ông C số tiền 8.500.000 đồng để T đến gặp ông C lấy tiền. Đến ngày 28/5/2019, ông H2 đã chuyển số tiền 8.500.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng của ông C. T đến gặp ông C lấy 8.500.000 đồng mà ông H2 đã chuyển và ghi nhận vào sổ của ông C. Như vậy số tiền T chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh H2 là 8.500.000 đồng.

-Vụ thứ 5: Vào ngày 26/5/2019, bà Huỳnh Thị L1 và chồng là ông Trần Văn N2 đến cửa hàng của ông C hỏi việc làm giấy phép lái xe. Ông C điện thoại cho T đến cửa hàng. Lúc này, bà L1 và ông N2 gọi điện thoại cho 02 người bạn đến cửa hàng của ông C gồm ông Võ Văn Đ và bà Đặng Thị H3. T đến cửa hàng của ông C và gặp 04 người trên. Tại đây, 04 người nêu trên hỏi T là làm giấy phép lái xe A1 thật không, thi ở đâu và giá như thế nào. T trả lời giấy phép lái xe là thật, bao đậu, bao kiểm tra, thi ở đâu cũng được, giá 1.500.000 đồng, thủ tục gồm: 01 bản photo chứng minh nhân dân và 04 ảnh 3x4cm. Những người này đồng ý làm, do không đem đủ tiền nên chỉ đóng trước cho T 750.000 đồng mỗi người, T đồng ý. Bà L1, ông N2, ông Đ, bà H3 gom tiền tổng cộng của 04 người là 3.000.000 đồng, hình ảnh và chứng minh nhân dân photo giao trực tiếp cho T. T không đưa hồ sơ gì cho những người này và hẹn một tuần sau sẽ dẫn đến trường có mặt, ký tên vào hồ sơ, không cần phải thi là đậu. Đến ngày hẹn,

ông Đ bận việc nên không đi được nên T hẹn lại một tuần sau sẽ dẫn đi thi tại trường trung cấp nghề S thuộc Thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Đến ngày 09/6/2019, T dẫn 04 người trên đến Trường trung cấp nghề S, nhưng chỉ có bà H3, ông N2 và bà L1 đi trước, Đ bận việc nên đi sau. Khi đến trường S, T dẫn N, L 1 và H3 đến gặp ông Mai Hoàng Anh T1 là người làm bộ phận ghi danh của trường. Ông T1 đưa hồ sơ cho mỗi người một tờ đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe và 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe, sau khi ghi xong T thu của mỗi người 750.000 đồng, tổng cộng là 2.250.000 đồng. T đưa cho ông T1 mỗi người 650.000 đồng gồm 450.000 đồng lệ phí làm hồ sơ và 200.000 đồng tiền khám sức khỏe, do T nhờ T1 làm giấy khám sức khỏe cho những người này, tổng cộng T đưa cho T1 số tiền 1.950.000 đồng. T1 đem hồ sơ và tiền cho thủ quỹ của trường tên là Trần Thị Thanh T2 để nhập hồ sơ vào phần mềm kế toán. Ông T1 đưa cho bà T2 tiền hồ sơ mỗi người là 450.000 đồng, giữ lại 200.000 đồng tiền khám sức khỏe của mỗi người. Sau đó bà T2 viết biên lai thu tiền gồm tên của 03 người trên đưa cho ông T1 một bản, ông T1 đưa lại cho T giữ. Ông T1 đưa cho N2, L1 và H3 mỗi người một cuốn tài liệu câu hỏi ôn tập dành cho học viên học sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô và một phiếu giấy ghi ngày học luật và ngày thi giấy phép lái xe, sau đó những người này ra về.

Khoảng 20 phút sau, ông Đ đến Trường S gặp T. T kêu ông Đ đóng tiền làm hồ sơ nhưng ông Đ không đủ tiền nên T cho ông Đ mượn 650.000 đồng. T dẫn ông Đ vào gặp ông T1 để làm hồ sơ rồi ra về. Ông T1 chuyển hồ sơ và 450.000 đồng lệ phí làm hồ sơ của ông Đ cho bà T2, ông T1 giữ lại 200.000 đồng tiền khám sức khỏe của ông Đ. Bà T2 viết một biên lai thu tiền, ông T1 đưa lại cho ông Đ giữ. Sau khi về nhà, ông Đ đưa cho T 750.000 đồng. T hứa với những người này khi nào có giấy phép lái xe sẽ cho họ biết.

Khoảng 20 ngày sau, bà L1 điện thoại hỏi T có giấy phép lái xe chưa, T nói là có rồi, có gì T đưa sau. Do nghi ngờ T lừa đảo nên L1, N2, Đ, H3 đến gặp ông C để hỏi cụ thể và đòi lại tiền. Ông C trả lại cho 04 người trên mỗi người 750.000 đồng theo biên nhận đã ghi trước đó. Sau đó, ông C điện thoại cho T nói rút hồ sơ của 04 người L1, N2, Đ, H3 với lý do không chịu làm nữa. 03 ngày sau, T đến gặp ông T1 tại Trường S để rút 04 hồ sơ trên lại. T nhận lại 04 bộ hồ sơ và 450.000 đồng mỗi người, tổng cộng là 1.800.000 đồng, còn lại 200.000 đồng mỗi trường hợp là tiền T nhờ ông T1 làm giấy khám sức khỏe cho 04 người nên không lấy lại được. Tiền và hồ sơ của 04 người trên do T cất giữ, chiếm đoạt. Tài chiếm đoạt của ông Trần Văn N2, bà Huỳnh Thị L1 ông Võ Văn Đ, bà Đặng Thị H3 tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

-Vụ thứ 6: Vào ngày 28/5/2019, khi nhậu tại cửa hàng của ông C thì T quen với ông Trần Thanh N3. Biết được ông N3 đang thi giấy phép lái xe hạng C tại trường đào tạo lái xe quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh-Chi nhánh tại trung

tâm đào tạo lái xe ô tô huyện T, tỉnh Đồng Tháp. T nhắn tin với ông N3 qua mạng xã hội Zalo hỏi ông N3 đã thi chưa, nếu chưa thi thì rút tiền lại chuyển qua cho T để T giúp cho nhanh, bao đậu, không cần phải đi học luật, chỉ cần có mặt để thi lý thuyết và thực hành bình thường, mọi chuyện đã có người lo, hồ sơ T sẽ lo hết và giá giấy phép lái xe hạng C là 12.000.000 đồng nhưng do ông N3 đã thi đậu chứng chỉ nghề tại trường lái xe quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên T chỉ đưa ra giá là 11.000.000 đồng. T hỏi ông N3 còn ai làm giấy phép lái xe nữa không, ông N3 trả lời còn thi chung với 03 người bạn, T kêu ông N3 rủ 03 người bạn rút hồ sơ để qua bên T làm. Sau đó, ông N3 trao đổi lại với 03 người bạn thi chung giấy phép lái xe hạng C và họ đồng ý, gồm: ông Nguyễn Đăng K, ông Trương Minh L, ông Trần Văn N4. Sau đó, ông N3 và 03 người bạn đến Trường đào tạo lái xe quận 12, thành phố Hồ Chí Minh-Chi nhánh tại trung tâm đào tạo lái xe ô tô huyện T, tỉnh Đồng Tháp để rút hồ sơ và tiền lại. Đến ngày 08/7/2019, ông N3 điện thoại cho T nói đã rút hồ sơ, giúp ông N3 làm 04 giấy phép lái xe hạng C, ông N3 nói chuyển cho T 3.500.000 đồng mỗi người, tổng cộng là 14.000.000 đồng, nhưng T kêu ông N3 chuyển cho T 15.000.000 đồng để dễ nhớ. Sau đó, ông N3 đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)-Chi nhánh huyện T, tỉnh Đồng Tháp chuyển vào tài khoản ngân hàng của T số tiền 15.000.000 đồng. T kêu ông N3 gửi ảnh thẻ 3x4cm và chứng minh nhân dân photo qua để làm hồ sơ. Sau đó, ông N3 chụp ảnh chứng minh nhân dân và ảnh thẻ của N3 và 03 người bạn nêu trên gửi qua mạng xã hội Zalo cho T. Số tiền T chiếm đoạt của ông Trần Thanh N3, ông Nguyễn Đăng K, ông Trương Minh L2, ông Trần Văn N4 tổng số tiền 15.000.000 đồng.

Biết được Nguyễn Tấn T có hành vi lừa đảo nên ngày 16/7/2019 ông Lê Thanh C làm đơn tố cáo Nguyễn Tấn T gửi Công an huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. (Bút lục số 02, 03).

Tại văn bản quả trả lời xác minh số 434/CĐN7 ngày 15/8/2019 của Trường cao đẳng nghề Q khẳng định đơn vị không có cán bộ, giáo viên công nhân viên nào tên Nguyễn Tấn T. Mọi thông tin đối tượng T khai báo liên quan đến Trường cao đẳng nghề Q đều là giả mạo. (Bút lục số 37).

Quá trình điều tra Nguyễn Tấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Đối với ông Lê Thanh C là người giới thiệu người có nhu cầu làm bằng lái xe cho T. Tuy nhiên T đưa ra thông tin giả nói dối C và C không biết việc T lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An không truy cứu ông C về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tài sản, vật chứng thu giữ: Thu giữ của Nguyễn Tấn T 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, màu đen, Sim 1: 0785958432, Sim 2: 0943450409. Đây là điện thoại T dùng để liên lạc với các bị hại.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Các bị hại yêu cầu như sau:

Ông Huỳnh Thanh P yêu cầu T trả lại số tiền 13.000.000 đồng;

Ông Ngô Quang M yêu cầu T trả 5.000.000 đồng;

Ông Nguyễn Minh H yêu cầu T trả 8.500.000 đồng;

Ông Võ Văn Đ, bà Đặng Thị H3, ông Trần Văn N2, bà Huỳnh Thị L1 yêu cầu T trả lại 3.000.000 đồng cho 04 người mỗi người 750.000 đồng;

Ông Trần Thanh N3, ông Trần Văn N4, ông Trương Minh L2, ông Nguyễn Đăng K yêu cầu T trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho 04 người, mỗi người 3.500.000 đồng.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng mà T đã nhận của ông Võ Hoàng V để làm giấy phép lái xe. Do ông V nghi ngờ nên đã đòi lại tiền và T đã trả lại cho ông V nên ông V không có yêu cầu gì.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cầu như sau:

Ông Võ Văn Đ, bà Đặng Thị H3, ông Trần Văn N2, bà Huỳnh Thị L1 do nghi ngờ T lừa đảo nên đã gặp ông Lê Thanh C để kêu T trả lại tiền nhưng không gặp được T nên ông C đã ứng trước cho T 3.000.000 đồng để trả lại cho 04 người trên. Số tiền 5.000.000 đồng mà ông Ngô Quang M mượn để làm giấy phép lái xe hạng B2 mà ông C đã ứng trước đưa cho T. Số tiền 4.000.000 đồng ông C cho T mượn. Ông C yêu cầu T trả lại cho ông C tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSTH ngày 18/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An đã truy tố bị can Nguyễn Tấn T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An giữ nguyên nội dung Cáo trạng.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo đã trả lại số tiền chiếm đoạt là 8.000.000 đồng cho bị hại là ông Võ Hoàng V, bị cáo nuôi 02 con còn nhỏ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tội danh, hình phạt: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 38, điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, màu đen, sim 1: 0785958432, sim 2: 0943450409 thu giữ của bị cáo. Đây là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc với các bị hại, liên quan đến tội phạm nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt như sau:

Bồi thường cho ông Huỳnh Thanh P1 số tiền 13.000.000 đồng, ông Ngô Quang M số tiền 5.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh H2 số tiền 8.500.000 đồng; ông Võ Văn Đ, bà Đặng Thị H3, ông Trần Văn N2, bà Huỳnh Thị L1 mỗi người 750.000 đồng; ông Trần Thanh N3, ông Trần Văn N4, ông Trương Minh L2, ông Nguyễn Đăng K mỗi người 3.750.000 đồng.

Bị cáo đã trả lại số tiền 8.000.000 đồng cho ông Võ Hoàng V nên ông V không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Tại phiên tòa, ông Lê Thanh C xác định không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Đối với ông Lê Thanh C là người giới thiệu người có nhu cầu làm bằng lái xe cho T. Tuy nhiên, T đưa ra thông tin giả nói dối C và C không biết việc Tài lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông C không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Nguyễn Tấn T thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không bị oan, không bị sai; chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại như các bị hại yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thanh C xác định diễn biến sự việc đúng như Cáo trạng đã nêu. Do ông quá tin tưởng bị cáo là giáo viên của Trường đào tạo lái xe Q nên không biết việc bị cáo lợi dụng ông để lừa đảo người khác, bản thân ông cũng bị thiệt hại. Trong quá trình điều tra ông có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nhưng tại phiên tòa hôm nay ông xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường gì cho ông và ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạnh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội danh, định khung mức hình phạt, điều luật áp dụng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy: Bị cáo Nguyễn Tấn T là người không có nghề nghiệp ổn định, Trong thời gian bỏ trốn và bị truy nã ở vụ án khác thì bị cáo thuê trọ tại khu phố 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Trong thời gian ở đây, T quen biết với ông Lê Thanh C và T đưa ra thông tin giả nói mình là thầy giáo dạy lái xe tại Trường đào tạo lái xe Q nên T có khả năng giúp người khác làm giấy phép lái xe thật bao đậu, bao kiểm tra. Việc bị cáo đưa ra thông tin trên nhằm để ông C tin tưởng và giới thiệu những người có nhu cầu làm giấy phép lái xe đưa tiền cho T để có được giấy phép lái xe. Với phương thức và thủ đoạn gian dối như đã nêu trên, từ ngày 23/5/2019 đến ngày 08/7/2019 bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền là 55.500.000 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo bị pháp luật nghiêm cấm, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo bất chấp pháp luật, dùng thủ đoạn gian dối để lợi dụng lòng tin của người khác, nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến uy tín của các Cơ sở đào tạo lái xe. Trước đây bị cáo đã bị Tòa án xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và trong thời gian bỏ trốn, bị truy nã ở vụ án khác bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản nên cần có mức hình phạt tương xứng, nghiêm khắc với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đã bồi thường 8.000.000 đồng cho bị hại là ông Võ Hoàng V, bị cáo và vợ bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nuôi 02 người con còn nhỏ nên được giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 15/01/2020, bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 5-Bộ Công an nên tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án này theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý tài sản, vật chứng: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, màu đen, Sim 1: 0785958432, Sim 2: 0943450409. Bị cáo đã sử dụng điện thoại để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo xác định bị cáo đã chiếm đoạt số tiền như các bị hại yêu cầu, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Do đó buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại, cụ thể như sau:

Bồi thường cho ông Huỳnh Thanh P1 số tiền 13.000.000 đồng, ông Ngô Quang M số tiền 5.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh H2 số tiền 8.500.000 đồng;

ông Võ Văn Đ, bà Đặng Thị H3, ông Trần Văn N2, bà Huỳnh Thị L1 mỗi người 750.000 đồng; ông Trần Thanh N3, ông Trần Văn N4, ông Trương Minh L2, ông Nguyễn Đăng K mỗi người 3.750.000 đồng.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là ông Võ Hoàng V: bị cáo đã trả lại số tiền trên cho ông Võ Hoàng V nên ông V không có yêu cầu gì. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh C xác định không có yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền 47.500.000 đồng mà bị cáo phải bồi thường cho các bị hại, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với hành vi của ông Lê Thanh C là người đã giới thiệu các bị hại nhu cầu làm bằng lái xe cho bị cáo. Tuy nhiên, ông C do tin tưởng, không biết việc bị cáo nói dối ông để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Quá trình điều tra không có chứng cứ chứng minh ông Lê Thanh C đồng phạm với bị cáo, mặc dù bị cáo có hứa hẹn cho ông C tiền “hoa hồng” khi giới thiệu người có nhu cầu làm giấy phép lái xe cho bị cáo nhưng ông C chưa được hưởng lợi gì từ việc này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Thanh C là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 13/9/2019).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Tấn T 45 (bốn mươi lăm) ngày sau khi tuyên án để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các bị hại. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau:

Bồi thường cho ông Huỳnh Thanh P1 số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng);

Bồi thường cho ông Ngô Quang M số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

Bồi thường cho ông Nguyễn Minh H2 số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng);

Bồi thường cho ông Trần Thanh N3 số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Bồi thường cho ông Trần Văn N4 số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Bồi thường cho ông Trương Minh L2 số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Bồi thường cho ông Nguyễn Đăng K số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Bồi thường cho ông Võ Văn Đ số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Bồi thường cho bà Đặng Thị H3 số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Bồi thường cho ông Trần Văn N2 số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Bồi thường cho bà Huỳnh Thị L1 số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 .

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, màu đen, kiểu máy SM-G610F/DS, số seri: R58J40WCE1W, số IMEI 1: 357625086169391, số IMEI 2: 357651086169397; Sim 1: 0785958432, Sim 2: 0943450409 gắn trong điện thoại thu giữ của bị cáo Nguyễn Tấn T.

(Vật chứng ghi theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS ngày 18/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An).

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.375.000 đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- TAND TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thái

